

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 66/2023/HS-ST

Ngày: 06-12- 2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Trinh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Ngọc Thơ

2. Ông Nguyễn Nhựt Thảo

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Hiếu – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa: Ông Lê Thanh Tâm – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 68/2023/TLST-HS ngày 17 tháng 11 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 63/2023/QĐXXST-HS ngày 21 tháng 11 năm 2023 đối với bị cáo:

Nguyễn Ngọc Đ, sinh năm 1980, nơi sinh: An Giang; Nơi cư trú: **ấp B, xã A, huyện C, tỉnh An Giang**; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 6/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Thiên chúa; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông **Lê Văn K**, sinh năm 1957 (Đã chết) và **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1956; Chồng: **Nguyễn Công T**, sinh năm 1981; Con: Có 04 người, lớn sinh năm 1999, nhỏ sinh năm 2020.

* Quá trình nhân thân: Từ nhỏ sống chung với gia đình tại **ấp B, xã A, huyện C, tỉnh An Giang**, học đến lớp 6 thì nghỉ học, sống bằng nghề làm thuê. Năm 1998, kết hôn với **Nguyễn Văn S**; đến năm 2014 thì ly hôn. Năm 2019, kết hôn với **Nguyễn Công T**.

Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo **Nguyễn Ngọc Đ** bị tạm giam tại Trại tạm giam – **Công an tỉnh A** từ ngày 03/10/2023 cho đến nay (Có mặt)

- Bị hại: **Nguyễn Thị B**, sinh năm 1986 (Vắng mặt)

Nơi cư trú: **Ấp H, xã V, huyện C, tỉnh An Giang**

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Phùng Quế A, sinh năm 1981 (Vắng mặt)

Nơi cư trú: Số A khóm N, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang.

+ Trương Công V, sinh năm 1981 (Vắng mặt)

Nơi cư trú: Khóm B, phường B, thành phố L, tỉnh An Giang.

+ Nguyễn Công T, sinh năm 1981 (Có mặt)

Nơi cư trú: Ấp M, xã M, thành phố L, tỉnh An Giang.

- Người làm chứng:

+ Nguyễn Văn B1, sinh năm 1971 (Có mặt)

+ Trừ Thị Tuyết V1, sinh năm 1993 (Vắng mặt)

+ Nguyễn Thị P, sinh năm 1994 (Vắng mặt)

+ Nguyễn Thùy T1, sinh năm 1994 (Vắng mặt)

+ Trần Văn Đ1, sinh năm 1988 (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Ngọc Đ là công nhân làm việc tại Công ty trách nhiệm hữu hạn N (Công ty T3), thuộc ấp P, xã B, huyện C, tỉnh An Giang.

Khoảng 07 giờ ngày 12/5/2023, Đ đến nhà xe của Công ty trách nhiệm hữu hạn N lấy trộm xe mô tô biển số 67C1-587.94 của Nguyễn Thị B, dẫn đến tiệm sửa xe của Nguyễn Thùy T1, tại ấp P, xã B, huyện C, tỉnh An Giang, nhờ mở khóa xe nhưng không được. Đ kêu T1 mở yên xe để Đ lấy đồ trong cốp gồm: 02 bóp da, thẻ ATM, giấy chứng minh nhân dân, giấy căn cước công dân, giấy phép lái xe hạng A1, thẻ bảo hiểm y tế, giấy đăng ký cùng giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự xe mô tô biển số 67C1-587.94 của B và số tiền 500.000 đồng. Đ nhờ T1 chạy xe mô tô đẩy xe Đ trộm được đến cửa hàng Tiến K1, tại khóm H, thị trấn A, huyện C, tỉnh An Giang, gặp Trần Văn Đ1 thay ổ khóa. Đ đi xe ôm về phòng trọ tại ấp B, xã B, huyện C, tỉnh An Giang; lấy xe gắn máy biển số 67AB-077.23 của Nguyễn Công T (chồng Đ), Đ sử dụng căn cước công dân của B đến Ngân hàng Thương mại cổ phần N1 (V2), chi nhánh A1, gặp Phùng Quế A là nhân viên giao dịch Ngân hàng, rút số tiền 10.000.000 đồng trong tài khoản của B. Sau đó, Đ điều khiển xe về lại phòng trọ và đi xe ôm đến cửa hàng Tiến K1, lấy xe mô tô biển số 67C1-587.94, mang bán cho Trương Công V, thuộc khóm B, phường B, thành phố L, tỉnh An Giang được 19.000.000 đồng rồi bỏ trốn khỏi địa phương.

Khoảng 11 giờ cùng ngày, **B** thấy tin nhắn điện thoại báo trừ 10.000.000 đồng trong tài khoản (tài khoản còn lại 1.194.475 đồng) nên đến nhà xe kiểm tra, phát hiện xe bị mất trộm liền trình báo **Công an xã B**.

Ngày 18/9/2023, **Nguyễn Ngọc Đ** bị khởi tố để điều tra.

*** Vật chứng thu giữ:**

- 01 thẻ bảo hiểm y tế, mã số: GD4898923732763, tên **Nguyễn Thị B**, địa chỉ: **ấp H, xã V, huyện C, tỉnh An Giang**, cấp ngày 16/01/2018; 01 giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự của xe mô tô biển kiểm soát 67C1-587.94, tên chủ xe **Nguyễn Thị B**, thời hạn bảo hiểm đến ngày 21/01/2022; 01 thẻ ATM **ngân hàng V2** số 9704366615369641015, tên **Nguyễn Thị B**; 01 nón bảo hiểm bằng nhựa màu trắng, đã qua sử dụng; một áo khoác dài tay màu đỏ - cam, đã qua sử dụng.

- 01 xe mô tô biển số 67C1-587.94; Số máy: JF66E0082164; Số khung: RLHJF583XJY481165, nhãn hiệu HONDA, loại xe VISION, màu đỏ - đen - nâu; 01 giấy đăng ký xe mô tô biển số 67C1-587.94, tên chủ xe: **Nguyễn Thị B**, sinh năm: 1986; cư trú: **ấp H, xã V, huyện C, tỉnh An Giang** (đã trao trả cho bị hại **Nguyễn Thị B**).

Tại kết luận định giá tài sản số 32/KL.HĐ ngày 19/5/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện C, tỉnh An Giang, kết luận: 01 xe mô tô biển số 67C1-587.94, nhãn hiệu Honda, loại Vision, màu đỏ - đen - nâu, đã qua sử dụng, có giá trị là 38.000.000 đồng x 50% = 19.000.000 đồng; 01 bóp da màu vàng, đã qua sử dụng, có giá trị là 50.000 đồng x 60% = 30.000 đồng; 01 bóp da màu đen, đã qua sử dụng, có giá trị là 30.000 đồng x 60% = 18.000 đồng. Tổng giá trị tài sản định giá là: 19.048.000 đồng.

*** Căn cứ Bản kết luận định giá tài sản số 45/KL.HĐ ngày 30/8/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện C, tỉnh An Giang, kết luận:** 01 thẻ ATM **ngân hàng Thương mại Cổ phần N1 (V2)**, đã qua sử dụng, có giá trị là 01 thẻ ATM x 120.000 đồng x 100% = 120.000 đồng. Tổng giá trị tài sản định giá là 120.000 đồng.

Tại cáo trạng số 68/CT-VKSCT-HS ngày 16/11/2023 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang truy tố để xét xử bị cáo **Nguyễn Ngọc Đ** về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát trình bày nội dung luận tội: Giữ nguyên nội dung cáo trạng truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 173, Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo **Nguyễn Ngọc Đ** từ 06 (Sáu) tháng đến 01 (Một) năm tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”.

- Về trách nhiệm dân sự: không đề nghị xem xét.

- Về vật chứng:

+ Đối với vật chứng là 01 xe mô tô biển số 67C1-587.94; Số máy: JF66E0082164; Số khung: RLHJF583XJY481165, nhãn hiệu HONDA, loại xe

VISION, màu đỏ - đen - nâu; 01 giấy đăng ký xe mô tô biển số 67C1-587.94, tên chủ xe: Nguyễn Thị B, sinh năm: 1986; cư trú: ấp H, xã V, huyện C, tỉnh An Giang, Cơ quan điều tra đã giao trả lại cho bị hại nên không đề nghị xem xét.

+ Đối với 01 thẻ bảo hiểm y tế, mã số: GD4898923732763, tên Nguyễn Thị B, địa chỉ: ấp H, xã V, huyện C, tỉnh An Giang, cấp ngày 16/01/2018; 01 giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự của xe mô tô biển kiểm soát 67C1-587.94, tên chủ xe Nguyễn Thị B, thời hạn bảo hiểm đến ngày 21/01/2022; 01 thẻ ATM ngân hàng V2 số 9704366615369641015, tên Nguyễn Thị B không còn giá trị sử dụng, bị hại không yêu cầu nhận lại nên đề nghị tịch thu tiêu hủy.

+ Đối với 01 nón bảo hiểm bằng nhựa màu trắng và một áo khoác dài tay màu đỏ - cam của bị cáo Nguyễn Ngọc Đ đã qua sử dụng, bị cáo không có yêu cầu nhận lại nên đề nghị tịch thu tiêu hủy.

Bị cáo - Nguyễn Ngọc Đ khai nhận đã thực hiện hành vi phạm tội như nội dung Cáo trạng truy tố, không tranh luận với nội dung luận tội của đại diện Viện kiểm sát, bị cáo nói lời sau cùng xin hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - Nguyễn Công T trình bày phù hợp như nội dung vụ án nêu trên. Thuộc là chồng của bị can Đ. Sau khi sự việc xảy ra, T đã xuất tiền bồi thường cho bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, không yêu cầu Đ trả lại.

Trong quá trình điều tra:

- Bị hại - Nguyễn Thị B trình bày phù hợp như nội dung vụ án nêu trên. Bị đã nhận lại xe mô tô biển số 67C1-587.94 cùng giấy đăng ký xe; được người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Phùng Quế A bồi thường 10.000.000 đồng, Trương Công T2 bồi thường 500.000 đồng; không yêu cầu bồi thường thêm gì khác và đã làm tờ bãi nại, xin giảm nhẹ hình phạt cho Đ. (Bút lục số: 2 - 3; 71 - 74; 76 - 79)

- Phùng Quế A trình bày phù hợp như nội dung vụ án nêu trên. Quế A là nhân viên giao dịch Ngân hàng Thương mại cổ phần N1 chi nhánh A1. Ngày 12/5/2023, trong quá trình giao dịch với khách hàng, Quế A sơ xuất nhận dạng khách hàng nên đã cho Đ rút tiền. Sau khi sự việc xảy ra, Quế A đã bồi thường 10.000.000 đồng cho bị hại Nguyễn Thị B; đồng thời, Quế A đã được Nguyễn Công T bồi thường 10.000.000 đồng nên không yêu cầu bồi thường thêm gì khác. (Bút lục số: 94 - 95).

- Trương Công V trình bày phù hợp như nội dung vụ án nêu trên. Ngày 12/5/2023, V mua xe mô tô biển số 67C1-587.94 Điệp bán với giá 19.000.000 đồng; khi mua không biết xe do Đ trộm cắp mà có và đã bán lại cho người khác. Sau khi được mời làm việc, V đã liên hệ, thu hồi xe mô tô biển số 67C1-587.94 giao nộp Cơ quan điều tra. Hiện, V đã được Nguyễn Công T bồi thường 19.000.000 đồng nên không yêu cầu bồi thường thêm gì khác (Bút lục số: 200 - 204).

Những người làm chứng trình bày phù hợp với nội dung vụ án đã nêu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Điều tra Công an huyện C, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện C, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Tại phiên tòa, bị cáo Đ khai nhận hành vi phạm tội như nội dung Cáo trạng mà đại diện Viện kiểm sát đã công bố. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo trong giai đoạn điều tra, truy tố; lời khai của bị hại, Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, những người làm chứng và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Căn cứ vào lời khai nhận tội của bị cáo và đánh giá toàn diện chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã có đủ cơ sở kết luận: Do cần tiền tiêu xài cá nhân, vào ngày 12/5/2023 Nguyễn Ngọc Đ đã có hành vi lén lút trộm cắp của Nguyễn Thị B 01 xe mô tô biển số 67C1-587.94; 01 giấy đăng ký xe và 01 giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự của xe mô tô biển số 67C1-587.94, tên chủ xe Nguyễn Thị B; 01 bóp da màu vàng, đã qua sử dụng; 01 bóp da màu đen, đã qua sử dụng; 01 Giấy phép lái xe hạng A1, 01 thẻ bảo hiểm y tế, 01 thẻ căn cước, 01 giấy chứng minh nhân dân cùng 01 thẻ ATM ngân hàng V2 tên Nguyễn Thị B; Tiền Việt Nam 500.000 đồng và 10.000.000 đồng trong tài khoản. Tổng giá trị tài sản mà Đ chiếm đoạt là 29.668.000 đồng.

Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành đã truy tố bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Vì vậy bị cáo phải chịu trách nhiệm về hành vi và hậu quả mà bị cáo đã gây ra.

Quyền sở hữu tài sản là một trong những quyền cơ bản được pháp luật ghi nhận và bảo vệ, mọi hành vi xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác đều bị xử lý nghiêm khắc. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức và điều khiển được hành vi của bản thân, có nghề nghiệp ổn định, nhưng chỉ vì lòng tham, muốn có tiền tiêu xài cá nhân mà bị cáo đã lén lút lấy trộm tài sản của đồng nghiệp trong Công ty (Nơi bị cáo đang làm việc). Đồng thời, sau khi thực hiện hành vi phạm tội thì bị cáo bỏ trốn khỏi địa phương đến ngày 03/10/2023 thì bị bắt theo Quyết định truy nã số 07 ngày 29/9/2023 của Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện C, tỉnh An Giang. Do đó, cần phải có mức hình phạt nghiêm tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra nhằm giáo dục răn đe và phòng ngừa chung trong xã hội.

Đối với:

- **Trương Công V** làm nghề mua bán xe, khi mua xe mô tô biển kiểm soát 67C1-587.94, **V** không biết nguồn gốc của xe mô tô biển kiểm soát 67C1-587.94 là do bị cáo **Đ** phạm tội mà có nên không xem xét trách nhiệm hình sự.

- **Phùng Quế A** là nhân viên giao dịch của **Ngân hàng V2 chi nhánh A1**, do thiếu sót trong việc nhận diện khuôn mặt đã cho bị cáo **Đ** rút 10.000.000 đồng trong tài khoản của chị **B**. Chị **Phùng Quế A** không biết bị cáo **Đ** sử dụng giấy căn cước công dân của chị **B** do bị cáo **Đ** phạm tội mà có để cho bị cáo **Đ** rút tiền nên không xem xét trách nhiệm hình sự.

- **Nguyễn Thùy T1** và **Trần Văn Đ1** là thợ sửa xe, khi nhận thay ổ khoá không biết nguồn gốc của xe mô tô biển kiểm soát 67C1 – 587.94 là do bị cáo **Đ** phạm tội mà có nên không xem xét trách nhiệm hình sự.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo có thái độ khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; Gia đình bị cáo đã bồi thường khắc phục hậu quả cho bị hại và người liên quan; Nhân thân của bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, thuộc thành phần nhân dân lao động, trình độ học vấn thấp nên nhận thức pháp luật còn hạn chế; Được bị hại làm Tờ bãi nại, xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, i, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự

[4] Về hình phạt bổ sung: không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[5] Biện pháp tư pháp:

- Về trách nhiệm dân sự: Do bị hại đã nhận lại và được bồi thường tài sản bị mất trộm; Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đã được gia đình bị cáo bồi thường khắc phục hậu quả, không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét.

- Xử lý vật chứng trong vụ án:

Bị hại và bị cáo không có yêu cầu nhận lại nên tịch thu tiêu hủy: 01 thẻ bảo hiểm y tế, mã số: GD4898923732763, tên **Nguyễn Thị B**, địa chỉ: **ấp H, xã V, huyện C, tỉnh An Giang**, cấp ngày 16/01/2018; 01 giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự của xe mô tô biển kiểm soát 67C1-587.94, tên chủ xe **Nguyễn Thị B**, thời hạn bảo hiểm đến ngày 21/01/2022; 01 thẻ ATM **ngân hàng V2** số 9704366615369641015, tên **Nguyễn Thị B**; 01 nón bảo hiểm bằng nhựa màu trắng, một áo khoác dài tay màu đỏ - cam, đã qua sử dụng. Các vật chứng trên được quản lý theo Quyết định chuyển vật chứng số: 55/QĐ-VKSCT-HS ngày 16/11/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành

Đối với vật chứng là 01 xe mô tô biển số 67C1-587.94; Số máy: JF66E0082164; Số khung: RLHJF583XJY481165, nhãn hiệu HONDA, loại xe VISION, màu đỏ - đen - nâu; 01 giấy đăng ký xe mô tô biển số 67C1-587.94, tên chủ xe: **Nguyễn Thị B**, sinh năm: 1986; cư trú: **ấp H, xã V, huyện C, tỉnh An**

Giang đã được Cơ quan điều tra giao trả lại cho bị hại nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 173, điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo **Nguyễn Ngọc Đ** phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”

Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Ngọc Đ** 01 (Một) năm tù. Thời hạn tù được tính từ ngày 03/10/2023.

Áp dụng: Điều 46, Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu hủy: 01 thẻ bảo hiểm y tế, mã số: GD4898923732763, tên **Nguyễn Thị B**, địa chỉ: **ấp H, xã V, huyện C, tỉnh An Giang**, cấp ngày 16/01/2018; 01 giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự của xe mô tô biển kiểm soát 67C1-587.94, tên chủ xe **Nguyễn Thị B**, thời hạn bảo hiểm đến ngày 21/01/2022; 01 thẻ ATM **ngân hàng V2** số 9704366615369641015, tên **Nguyễn Thị B**; 01 nón bảo hiểm bằng nhựa màu trắng, đã qua sử dụng; một áo khoác dài tay màu đỏ - cam, đã qua sử dụng.

Vật chứng trên được quản lý theo Quyết định chuyển vật chứng số: 55/QĐ-VKSC-TS ngày 16/11/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành

Áp dụng: Khoản 2 Điều 136, Điều 331, Điều 333, Điều 336 và Điều 337 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 ngày 30/12/2016.

Buộc bị cáo **Nguyễn Ngọc Đ** phải nộp 200.000 (Hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo **Nguyễn Ngọc Đ**, Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan – **Nguyễn Công T** được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (06/12/2023)

Đối với bị hại, Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, sự tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và

Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người liên quan;
- VKS Châu Thành;
- VKS tỉnh An Giang;
- Phòng KTNV-THA-TAND An Giang;
- CQ CSĐT Công an Châu Thành;
- Chi cục THA.DS Châu Thành;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Ngọc Trinh